

Bản án số: 31/2021/HS-ST.

Ngày: 05 - 7 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Sơn Nhựt Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Trương Thị Bích Th** (tên gọi khác là H), sinh năm 1984 tại huyện T C, tỉnh Trà Vinh;

Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trương Văn Nh, sinh năm 1936 (đã chết) và bà Trần Thị A, sinh năm 1939 (đã chết); Chồng: Nguyễn Văn A, sinh năm 1974; Con: 01 người, sinh năm 2001.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Bị cáo Trương Thị Bích Th bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16/12/2020 đến ngày 22/12/2020 chuyển sang tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1963 tại huyện T C, tỉnh Trà Vinh;

Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1943; Bị cáo chưa lập gia đình; Con: không có.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Bị cáo Nguyễn Thị H bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 21/01/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1/ Anh Thạch Ch, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: Ấp Đại Mong, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

2/ Bà Thạch Thị Sa R, sinh năm 1957 (có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: Khóm 2, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

3/ Bà Kim Thị B, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Trú tại: Khóm 5, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

4/ Ông Phan Văn Ph, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Trú tại: Ấp Te Te 1, xã Tân Hùng, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

5/ Ông Sơn Thái Ng, sinh năm 1951. (vắng mặt)

Trú tại: Ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

6/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1940 (có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: Ấp Xóm Vó, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

7/ Bà Thạch Thị C, sinh năm 1954 (có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: Khóm 5, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

8/ Bà Thạch Thị N, sinh năm 1965. (vắng mặt)

Trú tại: Ấp Cây Gáo, xã Tập Ngãi, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

9/ Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Trú tại: Ấp An Cư, xã Tân Hòa, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

10/ Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Trú tại: Khóm 1, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

11/ Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Trú tại: Số 564 Bis/19, Hưng Phú, phường 9, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

12/ Ông Huỳnh Ngọc Ch, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: Khóm 2, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

13/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Trú tại: Khóm 1, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

14/ Bà Huỳnh Mỹ Ph, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Trú tại: Khóm 1, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

15/ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Trú tại: Khóm 1, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng việc Nhà nước mở thưởng kết quả xổ số kiến thiết đài miền Nam ở các tỉnh: Sóc Trăng, Cần Thơ, Đồng Nai và đài miền Bắc, bị cáo Trương Thị Bích Th và bị cáo Nguyễn Thị H đã tổ chức đánh bạc với hình thức “bán số đề”. Bị cáo Th sử dụng điện thoại di động để nhận cuộc gọi, nhắn tin để mua bán số đề hoặc trực tiếp bán số đề cho người mua. Cách thức tính tiền mua số đề: bao lô và đá cặp ở đài miền Nam thì bị cáo Th tính tiền là 13 lô; bao lô và đá cặp ở đài miền Bắc thì tính tiền là 20 lô. Sau khi bán số đề cho khách xong thì bị cáo Th ghi vào phôi và nhắn tin chuyển các con số đề cho bị cáo Nguyễn Thị H với số thuê bao là 0907.253.777 để hưởng huê hồng. Vào ngày 16/12/2020 bị cáo Th đã sử dụng 02 điện thoại di động có 02 số thuê bao là 0336708777 và 0974458959 để nhận tin nhắn, cuộc gọi và trực tiếp bán số đề cho các đối tượng gồm: Thạch Ch (tên thường gọi là Qu), Thạch Thị Sa R, Kim Thị B, Phan Văn Ph, Sơn Thái Ng, Nguyễn Văn T, Huỳnh Ngọc Ch, Thạch Thị C, Thạch Thị N, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Y và 07 (bảy) người đàn ông (không biết tên, địa chỉ). Trong lúc bị cáo Th đang bán số đề và nhắn tin chuyển số đề cho bị cáo H thì bị bắt quả tang.

Qua quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã chứng minh được vào ngày 16/12/2020 bị cáo Th bán số đề cho các đối tượng gồm:

1/ Anh Thạch Ch nhắn tin vào điện thoại di động của bị cáo Th để mua số đề như sau:

- Lần thứ nhất: Anh Ch mua các con số của đài miền Nam (Sóc Trăng, Cần Thơ và Đồng Nai) gồm: 735; 35; 05; 83; 783; 038; 38 với tổng số tiền là 754.000 đồng. Kết quả mở thưởng anh Ch trúng thưởng 1.050.000 đồng. Như vậy, anh Ch đánh bạc với bị cáo Th số tiền là 1.804.000 đồng.

- Lần thứ hai: Anh Ch mua các con số của đài miền Bắc gồm: 94; 19; 11; 611; 647; 47 với tổng số tiền là 640.000 đồng. Khi bị cáo Th bị bắt chưa có kết quả mở thưởng.

2/ Bà Thạch Thị Sa R trực tiếp gặp bị cáo Th để mua các con số đề đài miền Nam (đài Sóc Trăng) gồm: 19; 37; 57; 69 với tổng số tiền là 520.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì bà Sa R không trúng thưởng.

3/ Bà Kim Thị B trực tiếp gặp bị cáo Th để mua các con số đề:

- Lần thứ nhất: Đài miền Nam (Sóc Trăng, Cần Thơ, Đồng Nai) số 69 với tổng số tiền là 390.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì bà Bé không trúng thưởng.

- Lần thứ hai: Đài miền Bắc gồm các con số 47; 69 với tổng số tiền là 200.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì bà Bé không trúng thưởng.

4/ Ông Phan Văn Ph trực tiếp gặp bị cáo Th để mua các con số đề sau:

Đài miền Nam (Sóc Trăng, Cần Thơ, Đồng Nai) các con số 94; 394 với tổng số tiền là 650.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì ông Ph trúng thưởng 700.000 đồng. Như vậy, ông Ph đánh bạc với bị cáo Th là 1.350.000 đồng.

5/ Ông Sơn Thái Ng trực tiếp gặp bị cáo Th mua các con số đề sau:

Đài miền Nam (Sóc Trăng, Cần Thơ) các số 99; 135; 77; 351; 73; 38; 838; 33; 93 với tổng số tiền là 200.000 đồng. Kết quả mở thưởng ông Ng trúng thưởng 210.000 đồng. Như vậy, ông Ng đánh bạc với bị cáo Th là 410.000 đồng.

6/ Ông Nguyễn Văn T mua số đề của bị cáo Th với con số như sau:

Đài miền Nam (Sóc Trăng, Cần Thơ, Đồng Nai) gồm các số 32; 30; 635; 675; 06; 15; 57; 35 với tổng số tiền là 478.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì ông Tài trúng thưởng 350.000 đồng. Như vậy, ông T đánh bạc với bị cáo Th với số tiền là 828.000 đồng.

7/ Bà Thạch Thị C gặp bị cáo Th mua các con số đề sau:

- Lần thứ nhất: Đài miền Nam (Sóc Trăng, Cần Thơ, Đồng Nai) số 17 với tổng số tiền là 585.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì bà C trúng thưởng 1.050.000 đồng. Như vậy, bà C đánh bạc với bị cáo Th với số tiền là 1.635.000 đồng.

- Lần thứ hai: Đài miền Bắc các số 17-73 với tổng số tiền là 200.000 đồng. Khi bị cáo Th bị bắt thì chưa có kết quả mở thưởng.

8/ Bà Thạch Thị N gặp bị cáo Th mua các con số đề sau:

- Lần thứ nhất: Đài miền Nam (Sóc Trăng) các số 73; 04 với tổng số tiền là 26.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì bà N không trúng thưởng.

- Lần thứ hai: Đài miền Bắc các số 77 - 51 với tổng số tiền là 80.000 đồng. Khi bị cáo Th bị bắt thì chưa có kết quả mở thưởng.

9/ Ông Nguyễn Văn Th gọi điện thoại cho bị cáo Th mua số đề đài miền Nam (Sóc Trăng, Cần Thơ, Đồng Nai) số 47 với tổng số tiền là 260.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì ông Th không trúng thưởng.

10/ Ông Nguyễn Văn A trực tiếp gặp bị cáo Th để mua các số đề sau:

- Lần thứ nhất: Đài miền Nam (Sóc Trăng, Cần Thơ, Đồng Nai) các số 00; 300; 400; 07; 69; 969 với tổng số tiền là 559.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì ông A trúng thưởng 350.000 đồng. Như vậy, ông A đánh bạc với bị cáo Th là 909.000 đồng.

- Lần thứ hai: Đài miền Bắc các số 99-00; 00-88; 88-99 tổng số tiền là 120.000 đồng. Khi bị cáo Th bị bắt thì chưa có kết quả mở thưởng.

11/ Ông Nguyễn Văn Y nhắn tin điện thoại để mua số đề của bị cáo Th, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Đài miền Nam (Sóc Trăng, Cần Thơ, Đồng Nai) các số 32; 72; 52 với tổng số tiền là 2.535.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì ông Y không trúng thưởng.

- Lần thứ hai: Đài miền Bắc các số 83; 93; 28; 32; 72; 52; 77 với tổng số tiền là 6.000.000 đồng. Khi bị cáo Th bị bắt thì chưa có kết quả mở thưởng.

12/ Ông Huỳnh Ngọc Ch trực tiếp đi đến nhà của bị cáo Th thì gặp ông Nguyễn Văn A (chồng của bị cáo Th) nên ông Ch gửi ông A mua số đề của bị cáo Th với các con số đề đài miền Nam các số 84; 00 với tổng số tiền là 130.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì ông Ch không trúng thưởng.

13/ Một người đàn ông, khoảng 45 tuổi (không biết tên, địa chỉ) gặp bị cáo Th mua số đề đài miền Nam Đài (Sóc Trăng) các số 13; 74 với số tiền là 195.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì không trúng thưởng.

14/ Một người đàn ông khoảng 50 tuổi (không biết tên, địa chỉ) gặp bị cáo Th mua số đề với con số đài miền Nam là 120; 020; 20 tổng số tiền là 302.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì người đàn ông này không trúng thưởng.

15/ Người đàn ông khoảng 55 tuổi (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) gặp bị cáo Th mua số đề với các con số đài miền Bắc gồm 87; 00 với tổng số tiền là 200.000 đồng. Khi bị cáo Th bị bắt thì chưa có kết quả mở thưởng.

16/ Người đàn ông khoảng 42 tuổi (không biết tên, địa chỉ cụ thể) gặp bị cáo Th mua các con số đề sau:

- Lần thứ nhất: Đài miền Nam (Sóc Trăng, Cần Thơ) số 02 với tổng số tiền là 100.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì người đàn ông này không trúng thưởng.

- Lần thứ hai: Đài miền Bắc số 16 là 200.000 đồng. Khi bị cáo Th bị bắt thì chưa có kết quả mở thưởng.

17/ Người đàn ông khoảng 35 tuổi (không biết tên, địa chỉ cụ thể) gặp bị cáo Th mua số 99 đài miền Nam với số tiền là 130.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì người đàn ông không trúng thưởng.

18/ Người đàn ông khoảng 41 tuổi (không biết tên, địa chỉ cụ thể) gặp bị cáo Th mua số đề sau:

- Lần thứ nhất: Đài miền Nam (Sóc Trăng, Cần Thơ, Đồng Nai) các số 39; 539 với tổng số tiền là 273.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì người đàn ông không trúng thưởng.

- Lần thứ hai: Đài miền Bắc các số 39; 539 với tổng số tiền là 140.000 đồng. Khi bị cáo Th bị bắt thì chưa có kết quả mở thưởng.

19/ Một người đàn ông, khoảng 41 tuổi (không biết tên, địa chỉ cụ thể) gặp bị cáo Th mua số đề đài miền Nam (Cần Thơ, Đồng Nai) các số 10; 07 với tổng số tiền là 50.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì người đàn ông không trúng thưởng.

Như vậy vào ngày 16/12/2020 bị cáo Th bán số đề cho những người gồm:

- Lần thứ nhất: Bị cáo Th bán số đề cho Thạch Ch, Thạch Thị Sa R, Kim Thị B, Phan Văn Ph, Sơn Thái Ng, Nguyễn Văn T, Thạch Thị C, Thạch Thị N, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn A, Huỳnh Ngọc Ch, Nguyễn Văn Y và 06 người đàn ông không rõ tên, địa chỉ ở đài miền Nam với số tiền là: **8.137.000 đồng**, tiền trúng thưởng số đề là **3.710.000 đồng**.

- Lần thứ hai: Bị cáo Th bán số đề cho Thạch Ch, Kim Thị B, bà Thạch Thị C, Thạch Thị N, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Y và 03 người đàn ông không rõ tên, địa chỉ ở Đài Miền Bắc với số tiền là: **7.780.000 đồng**.

Vào ngày 16 tháng 12 năm 2020, sau khi bị cáo Th bán số đề cho những người nêu trên thì bị cáo Th sử dụng điện thoại di động số thuê bao 0336708777 nhắn tin vào số thuê bao 0907253.777 để chuyển các con số đề cho bị cáo Nguyễn Thị H để bị cáo Th hưởng huê hồng cụ thể như sau:

- Bị cáo Th đã nhắn 12 tin số đề do bị cáo Th bán được, rồi chuyển cho bị cáo H ở đài miền Nam. Tổng số tiền mà bị cáo Th chuyển các con số đề cho bị cáo H ở đài miền Nam là: **7.887.000 đồng**, cho nên bị cáo Th hưởng huê hồng là **250.000 đồng**.

- Bị cáo Th đã nhắn 04 tin số đề do bị cáo Th bán được, rồi chuyển cho bị cáo H ở đài miền Bắc. Tổng số tiền bị cáo Th chuyển số đề cho bị cáo H đài miền Bắc là **7.011.000 đồng** và bị cáo Th hưởng huê hồng được **369.000 đồng**.

Ngoài ra, vào ngày 16/12/2020 bản thân bị cáo Th cũng nhắn tin mua số đề của bị cáo H đài miền Nam (Sóc Trăng, Cần Thơ, Đồng Nai) các số 68; 67; 35; 00; 02; 20, 15-51; 47; 515; 10; 02; 07 với tổng số tiền là 2.232.000 đồng. Kết quả mở thưởng thì bị cáo Th trúng thưởng 1.050.000 đồng. Như vậy, số tiền mà bị cáo Th đánh bạc với bị cáo H là **3.282.000 đồng**.

Đối với hành vi đánh bạc (mua số đề) của các đối tượng gồm: Thạch Ch, Thạch Thị Sa R, Kim Thị B, Phan Văn Ph, Sơn Thái Ng, Nguyễn Văn T, Thạch Thị C, Thạch Thị Ni, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn A, Huỳnh Ngọc Ch chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” nên Công an huyện T C ra quyết định xử phạt hành chính xong.

Đối với hành vi đánh bạc (mua số đề) của Nguyễn Văn Y do hiện nay Nguyễn Văn Y đã bỏ địa phương, chưa làm việc được với Y nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với hành vi đánh bạc (mua số đề) của 07 người đàn ông hiện nay không xác định được tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, nguyên nhân, động cơ phạm tội của các bị cáo Trương Thị Bích Th và Nguyễn Thị H, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trương Thị Bích Th và Nguyễn Thị H phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”

Hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 06 tháng đến 01 năm tù về tội “Đánh bạc”;

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/01/2021.

Đối với bị cáo Trương Thị Bích Th: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Thị Bích Th từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”

Hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt bị cáo Trương Thị Bích Th số tiền 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Thị Bích Th từ 06 tháng đến 01 năm tù về tội “Đánh bạc”;

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2020.

Về xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu 01 (một) quyển tập màu trắng 200 trang hiệu TIE Stationery, bên trong có ghi các chữ và số mua bán số đề của bị cáo Th và 01 (một) đĩa DVD-R chứa đoạn ghi âm cuộc gọi giữa bị cáo Th với ông Thành và ông Tài để mua bán số đề và 11 (mười một) tờ phôi số đề được bị cáo Th dùng vào mua bán số đề để làm chứng cứ lưu hồ sơ vụ án.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 pro màn hình cảm ứng, màu đen, có gắn sim điện thoại số 0336708777 và 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO, màn hình cảm ứng, màu đen, có gắn sim điện thoại số 0974458959 là phương tiện được bị cáo Th dùng để liên lạc mua bán số đề vào ngày 16/12/2020.

Buộc bị cáo Trương Thị Bích Th và bị cáo Nguyễn Thị H nộp số tiền dùng để đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước.

Tiếp tục giao cho cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C quản lý số tiền 29.026.000 đồng của bị cáo Trương Thị Bích Th và số tiền 4.760.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị H để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo Trương Thị Bích Th và bị cáo Nguyễn Thị H nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Trương Thị Bích Th và bị cáo Nguyễn Thị H khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo Trương Thị Bích Th và bị cáo Nguyễn Thị H tỏ ra ăn năn, hối hận về hành vi của mình, các bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Trương Thị Bích Th và bị cáo Nguyễn Thị H có lời khai thừa nhận hành vi phạm tội của mình, giữa bị cáo H và bị cáo Th có sự bàn bạc thống nhất với nhau về việc tổ chức bán lô đề nhằm thu lợi bất chính. Theo đó, bị cáo H là người làm chủ lô đề còn bị cáo Th là tay em của bị cáo H. Trong ngày 16/12/2020 tại khóm 1, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh bị cáo Th đã sử dụng 02 điện thoại di động có hai số thuê bao là 0336708777 và 0974458959 để nhận tin nhắn, cuộc gọi và trực tiếp bán số đề cho các đối tượng gồm: Thạch Chi, Thạch Thị Sa R, Kim Thị B, Phan Văn Ph, Sơn Thái Ng, Nguyễn Văn T, Huỳnh Ngọc Ch, Thạch Thị C, Thạch Thị N, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Y và 07 (bảy) người đàn ông (không biết tên, địa chỉ). Sau khi bán số đề cho những người nêu trên thì bị cáo Th ghi vào phôi và nhắn tin chuyển các con số đề cho bị cáo Nguyễn Thị H (với số thuê bao là 0907.253.777) để hưởng huê hồng. Số tiền đánh bạc của bị cáo Th và bị cáo H trong ngày 16/12/2020 là:

[2] Đài miền Nam gồm Đài Sóc Trăng, Đài Cần Thơ, Đài Đồng Nai: Tổng số tiền là **15.129.000 đồng** (bao gồm cả số tiền đánh bạc của bị cáo Th là 3.282.000 đồng). Trong đó: Tổng số tiền mà bị cáo H, bị cáo Th đánh bạc với Thạch Ch, Thạch Thị Sa

R, Kim Thị B, Phan Văn Ph, Sơn Thái Ng, Nguyễn Văn T, Thạch Thị C, Thạch Thị N, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn A, Huỳnh Ngọc Ch, Nguyễn Văn Y và 06 người đàn ông không rõ tên, địa chỉ là **11.847.000 đồng**, gồm: Tiền bán số đề là **8.137.000 đồng**, tiền trúng thưởng là **3.710.000 đồng**.

[3] Đài miền Bắc: Bị cáo Th đánh bạc với Thạch Ch, Kim Thị B, Thạch Thị C, Thạch Thị N, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Y và 03 người đàn ông không rõ tên, địa chỉ với số tiền là **7.780.000 đồng**. Riêng số tiền đánh bạc của bị cáo H là **7.380.000 đồng** (do bị cáo Th chưa chuyển con số đề với số tiền **400.000 đồng** cho bị cáo H thì đã bị bắt quả tang).

[4] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Th, H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo Th, H tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các đối tượng cùng tham gia đánh bạc, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với vật chứng của vụ án đã thu giữ, phù hợp với bảng đối chiếu việc đánh bạc giữa các bị cáo và những người tham gia đánh bạc cùng với các tài liệu, chứng cứ khác đã được xem xét tại phiên tòa. Xét thấy vào ngày 16/12/2020 các bị cáo Trương Thị Bích Th và Nguyễn Thị H đã tổ chức đánh bạc với hình thức mua bán số đề các đài miền Nam cho trên 10 người với tổng số tiền đánh bạc trị giá 11.847.000 đồng. Lần đánh bạc này của bị cáo Th và bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời ngày 16/12/2020 bị cáo Trương Thị Bích Th còn bán số đề cho các đối tượng ở đài miền Bắc với số tiền 7.780.000 đồng. Sau đó bị cáo Th chuyển lại bằng tin nhắn điện thoại di động các con số và số tiền của những người mua này lại cho bị cáo H với số tiền 7.380.000 đồng. Do thời gian mở thưởng, cách thức đánh đề, tỷ lệ thắng thua của đài miền Nam và đài miền Bắc khác nhau nên lần mua bán số đề đài miền Bắc này của các bị cáo Th và bị cáo H là một lần đánh bạc và đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Như vậy, Bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T C truy tố bị cáo Trương Thị Bích Th và bị cáo Nguyễn Thị H với tội danh đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[6] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Th, H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng đến nếp sống văn minh, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Bởi lẽ, pháp luật Việt Nam

xác định việc mua bán lô đề là hình thức đánh bạc được thua bằng tiền trái phép và là một tệ nạn xã hội cần phải xóa bỏ.

[7] Đối với bị cáo Trương Thị Bích Th: Bị cáo Th là một phụ nữ lẽ ra phải biết chăm lo cho gia đình, lao động tạo thu nhập hợp pháp, chính đáng, nhưng vì lợi ích bất chính để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với hình thức làm thầu đề để bán số đề cho nhiều người sau đó giao lại cho bị cáo H là chủ đề để hưởng tiền chênh lệch. Hành vi của bị cáo Th đã góp phần làm cho tệ nạn xã hội tại địa phương trở nên phức tạp.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H: Bị cáo H biết rõ việc mua bán số đề là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích thu lợi bất chính nên đã bàn bạc với bị cáo Th tổ chức ghi số đề cho nhiều người từ đó gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn minh của nhân dân nơi bị cáo cư trú.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung cho mọi người, góp phần phục vụ tình hình chính trị tại địa phương.

[8] Xét thấy khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của từng bị cáo để áp dụng một mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo.

Qua xem xét, bị cáo Th và bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trương Thị Bích Th đã thành khẩn nhận tội, có thái độ ăn năn, hối cải về hành vi của mình, gia đình bị cáo Th có công với cách mạng, bị cáo Th trước khi phạm tội phải chăm sóc mẹ chồng có hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật. Do đó cần áp dụng cho bị cáo Th hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H sau khi phạm tội đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo Th trước khi phạm tội phải chăm sóc mẹ ruột là người cao tuổi già yếu. Do đó cần áp dụng cho bị cáo H hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với 01 (một) quyển tập bên trong có ghi các chữ và số mua bán số đề của bị cáo Th vào ngày 16/12/2020 và 01 (một) đĩa DVD-R chứa đoạn ghi âm cuộc gọi giữa bị cáo Th với ông Th và ông T để mua bán số đề và 11 (mười một) tờ phôi số đề được bị cáo Th dùng vào mua bán số đề vào ngày 16/12/2020 xét thấy cần tịch thu để làm chứng cứ lưu hồ sơ vụ án.

Đối với 02 điện thoại di động gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 pro màn hình cảm ứng, màu đen, có gắn sim điện thoại số 0336708777 và 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO, màn hình cảm ứng, màu đen, có gắn sim điện thoại số

0974458959 là phương tiện được bị cáo Th dùng để liên lạc mua bán số đề vào ngày 16/12/2020 nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 sim di động có số thuê bao 0907.253.777 của bị cáo Trương Thị H và 02 (hai) cây viết màu xanh và màu đỏ hiệu dominic mini Gel 0,5 do giá trị sử dụng không còn nên cần tịch thu tiêu hủy.

Buộc bị cáo Trương Thị Bích Th nộp số tiền dùng để đánh bạc là 22.909.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H nộp số tiền dùng để đánh bạc là 19.227.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 29.026.000 đồng tạm giữ của bị cáo Trương Thị Bích Th, trong đó số tiền bị cáo Th dùng để đánh bạc là 5.251.000 đồng (tiền trả thưởng là 700.000 đồng và tiền bán số đề vào ngày 16/12/2020 là 4.551.000 đồng), còn lại 23.775.000 đồng là tiền của bị cáo Th, không dùng vào việc đánh bạc. Tuy nhiên để đảm bảo thi hành án, cần thiết tiếp tục giao cho cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C quản lý số tiền này.

Đối với số tiền 4.760.000 đồng tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị H được chứng minh là tiền mà bị cáo H dùng để đánh bạc nên cần tiếp tục giao cho cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C quản lý để đảm bảo thi hành án.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Trương Thị Bích Th, Nguyễn Thị H nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Xét đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Thị Bích Th và bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trương Thị Bích Th 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trương Thị Bích Th nộp số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Thị Bích Th 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt bị cáo Trương Thị Bích Th phải chấp hành là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2020.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thị H nộp số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt bị cáo Nguyễn Thị H phải chấp hành là 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/01/2021.

2. Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu 01 (một) quyển tập màu trắng 200 trang hiệu TIE Stationery, bên trong có ghi các chữ và số mua bán số đề của bị cáo Th, 01 (một) đĩa DVD-R chứa đoạn ghi âm cuộc gọi giữa bị cáo Th với ông Thành và ông Tài để mua bán số đề và 11 (mười một) tờ phôi số đề để làm chứng cứ lưu hồ sơ vụ án.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 pro màn hình cảm ứng, màu đen, có gắn sim điện thoại số 0336708777 và 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO, màn hình cảm ứng, màu đen, có gắn sim điện thoại số 0974458959.

Buộc bị cáo Trương Thị Bích Th nộp số tiền dùng để đánh bạc là 22.909.000 đồng (*Hai mươi hai triệu chín trăm lẻ chín nghìn đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H nộp số tiền dùng để đánh bạc là 19.227.000 đồng (*Mười chín triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

Tiếp tục giao cho cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C quản lý số tiền 29.026.000 đồng của bị cáo Trương Thị Bích Th và số tiền 4.760.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị H để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trương Thị Bích Th nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T C;
- Chi cục THADS huyện T C;
- CA huyện T C;
- UBND TT T C
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng